TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **03**/2020/QĐST- DS	*Phước Long, ngày 03 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 118/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị T, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Khu phố N, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

* *Bị đơn:* Bà Bùi Thị N, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Hữu H, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Bùi Thị N và ông Phạm Hữu H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Mai Thị T số tiền là 513.000.000 đồng (năm trăm mười ba triệu đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N, ông H phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí 12.260.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch. Do bà N, ông H có đơn xin giảm án phí và có xác nhận của UBND phường Phước Bình (thuộc trường hợp tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.) nên đồng ý cho bà N, ông H được giảm 50% số tiền án phí dân sự sơ thẩm phải chịu, số tiền án phí bà N, ông H phải liên đới chịu sau khi được giảm là 6.130.000 *(Sáu triệu một trăm ba mươi nghìn đồng)*.

Bà T không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà Mai Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.920. 000 đ (mười sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006624 ngày 04/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát thị xã Phước Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nghĩa